

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**  
Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1    Cán bộ coi thi 2    G.Viên chấm thi 1    G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22625002] - Chuyên đề thực tế:  
Quản trị doanh nghiệp  
(CCQ2112M, CCQ2112N)

Số SV có mặt:.....

Số bài thi: .....

Số tờ giấy thi:.....

CBGD

| STT | Mã SV      | Họ và Tên                 | Ngày sinh  | Mã Lớp   | H.Phí | Số Tờ Mã Đề | Chữ ký SV          | Điểm QT (40%) | Điểm Thi (60%) | Điểm Học Phần | Ghi chú |
|-----|------------|---------------------------|------------|----------|-------|-------------|--------------------|---------------|----------------|---------------|---------|
| 1   | 2122120586 | Nguyễn Thừa Ân            | 01/05/2000 | CCQ2212P |       |             | <i>[Signature]</i> |               |                | 6.0           |         |
| 2   | 2121120262 | Huỳnh Trung Đức           | 02/08/2003 | CCQ2112H |       |             | <i>[Signature]</i> |               |                | 7.5           |         |
| 3   | 2122120505 | Võ Nguyễn Trúc Duyên      | 12/12/2004 | CCQ2212K |       |             | <i>[Signature]</i> |               |                | 7.0           |         |
| 4   | 2121120229 | Đông Văn Hưng             | 28/01/2001 | CCQ2112G |       |             |                    |               |                |               |         |
| 5   | 2121120459 | Thành Việt Hưng           | 06/03/2003 | CCQ2112N |       |             | <i>[Signature]</i> |               |                | 7.0           |         |
| 6   | 2122120243 | Phạm Thị Mai Hương        | 21/01/2002 | CCQ2212H |       |             | <i>[Signature]</i> |               |                | 8.0           |         |
| 7   | 2121120439 | Lê Thị Tiểu Lam           | 06/09/2003 | CCQ2112M |       |             | <i>[Signature]</i> |               |                | 8.0           |         |
| 8   | 2122120403 | Đặng Thị Ngọc Linh        | 02/11/2004 | CCQ2212L |       |             |                    |               |                | 8.5           |         |
| 9   | 2121120440 | Võ Thị Hồng Ngọc          | 08/11/2003 | CCQ2112M |       |             |                    |               |                | 7.5           |         |
| 10  | 2121120130 | Lại Thị Quỳnh Nhi         | 09/07/2003 | CCQ2112D |       |             | <i>[Signature]</i> |               |                | 7.5           |         |
| 11  | 2122120588 | Nguyễn Huỳnh Thanh Phương |            | CCQ2212P |       |             | <i>[Signature]</i> |               |                | 7.5           |         |
| 12  | 2121130013 | Nguyễn Như Quỳnh          | 21/11/2003 | CCQ2112R |       |             | <i>[Signature]</i> |               |                | 8.0           |         |
| 13  | 2121120294 | Nguyễn Thị Như Quỳnh      | 28/07/2003 | CCQ2112I |       |             | <i>[Signature]</i> |               |                | 6.0           |         |
| 14  | 2121120087 | Đỗ Thu Sang               | 21/01/2003 | CCQ2112C |       |             | <i>[Signature]</i> |               |                | 5.0           |         |
| 15  | 2121120106 | Nguyễn Mỹ Thoa            | 12/04/2003 | CCQ2112D |       |             | <i>[Signature]</i> |               |                | 6.5           |         |
| 16  | 2121120144 | Trần Đức Tín              | 13/02/2001 | CCQ2112E |       |             | <i>[Signature]</i> |               |                | 6.5           |         |
| 17  | 2121120208 | Huỳnh Thị Thanh Trúc      | 11/09/2003 | CCQ2112F |       |             | <i>[Signature]</i> |               |                | 8.5           |         |
| 18  | 2121120302 | Huỳnh Thị Thanh Tuyền     | 20/11/2003 | CCQ2112I |       |             | <i>[Signature]</i> |               |                |               |         |

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**  
Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1    Cán bộ coi thi 2    G.Viên chấm thi 1    G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22620201] - Chuyên đề thực tế: Quản trị thương  
mại dịch vụ (CCQ2012M, CCQ2012N)

Số SV có mặt .....  
Số bài thi .....  
Số tờ giấy thi .....

CBGD: BỘ MÔN QUẢN TRỊ KD (260090)

| ST<br>T | Mã SV      | Họ và Tên          | Ngày sinh | Mã Lớp     | H.Phí    | Số Tờ<br>Mã Đề | Chữ ký SV    | Điểm<br>QT<br>(40%) | Điểm<br>Thi<br>(60%) | Điểm<br>Học<br>Phần | Ghi chú |
|---------|------------|--------------------|-----------|------------|----------|----------------|--------------|---------------------|----------------------|---------------------|---------|
| 1       | 2121120119 | Nguyễn Thị Minh    | Anh       | 02/01/2003 | CCQ2112D |                |              |                     |                      | 6,5                 |         |
| 2       | 2122120194 | Võ Thị Bích        | Chi       | 11/08/2004 | CCQ2212F |                |              |                     |                      | 7,0                 |         |
| 3       | 2121120023 | Nguyễn Thành       | Đạt       | 12/02/2003 | CCQ2112A |                | <i>Đạt</i>   |                     |                      | 5,0                 |         |
| 4       | 2121120262 | Huỳnh Trung        | Đức       | 02/08/2003 | CCQ2112H |                | <i>Đức</i>   |                     |                      | 7,0                 |         |
| 5       | 2121120273 | Huỳnh Văn          | Dương     | 25/09/2003 | CCQ2112H |                | <i>Dương</i> |                     |                      | 7,0                 |         |
| 6       | 2121170201 | Bùi Vũ             | Duy       | 06/07/2003 | CCQ2112R |                | <i>Duy</i>   |                     |                      | 6,5                 |         |
| 7       | 2122120458 | Nguyễn Thị Mỹ      | Hằng      | 17/05/2004 | CCQ2212N |                | <i>Hằng</i>  |                     |                      | 7,0                 |         |
| 8       | 2121120153 | Lê Văn             | Hiệp      | 07/01/2003 | CCQ2112E |                | <i>Hiệp</i>  |                     |                      | 7,5                 |         |
| 9       | 2121120443 | Lê Thị Thanh       | Huyền     | 10/07/2003 | CCQ2112M |                | <i>Huyền</i> |                     |                      | 6,5                 |         |
| 10      | 2120130098 | Bùi Hữu            | Kha       | 11/04/2002 | CCQ2012N |                | <i>Kha</i>   |                     |                      | 6,5                 |         |
| 11      | 2121120579 | Nguyễn Hữu Chí     | Khang     | 21/06/2003 | CCQ2112Q |                | <i>Khang</i> |                     |                      | 6,5                 |         |
| 12      | 2121120439 | Lê Thị Tiểu        | Lam       | 06/09/2003 | CCQ2112M |                | <i>Lam</i>   |                     |                      | 9,0                 |         |
| 13      | 2120120162 | Nguyễn Thị Mỹ      | Linh      | 21/08/2002 | CCQ2012C |                | <i>Linh</i>  |                     |                      | 5,5                 |         |
| 14      | 2120110121 | Nguyễn Trường      | Luật      | 20/06/2001 | CCQ2012R |                |              |                     |                      |                     |         |
| 15      | 2120120664 | Lê Văn             | Lực       | 07/02/2002 | CCQ2012H |                |              |                     |                      |                     |         |
| 16      | 2121120426 | Nguyễn Tri         | Lực       | 08/07/2003 | CCQ2112M |                | <i>Tri</i>   |                     |                      | 8,0                 |         |
| 17      | 2121120263 | Nguyễn Thị Kim     | Lưu       | 11/12/2003 | CCQ2112H |                | <i>Kim</i>   |                     |                      | 5,0                 |         |
| 18      | 2120120163 | Đặng Trúc          | Ly        | 20/10/2002 | CCQ2012E |                | <i>Trúc</i>  |                     |                      | 6,0                 |         |
| 19      | 2121120051 | Nguyễn Thị Trà     | My        | 07/02/2003 | CCQ2112B |                | <i>My</i>    |                     |                      | 7,0                 |         |
| 20      | 2121120567 | Nguyễn Thị Trà     | My        | 27/04/2003 | CCQ2112Q |                | <i>My</i>    |                     |                      | 7,0                 |         |
| 21      | 2122110088 | Trần Thị           | Nga       | 14/06/2003 | CCQ2212N |                | <i>Nga</i>   |                     |                      | 7,0                 |         |
| 22      | 2122120445 | Nguyễn Thị Mỹ      | Ngọc      | 19/10/2004 | CCQ2212M |                | <i>Ngọc</i>  |                     |                      | 6,5                 |         |
| 23      | 2121120099 | Phạm Nguyễn Bích   | Ngọc      | 17/06/2003 | CCQ2112C |                | <i>Bích</i>  |                     |                      | 6,5                 |         |
| 24      | 2122170005 | Cao Văn            | Phúc      | 09/06/2000 | CCQ2212N |                | <i>Phúc</i>  |                     |                      | 7,0                 |         |
| 25      | 2122120588 | Nguyễn Huỳnh Thanh | Phương    |            | CCQ2212P |                |              |                     |                      | 7,5                 |         |
| 26      | 2120120135 | Nguyễn Mai         | Phương    | 02/02/2002 | CCQ2012D |                | <i>Mai</i>   |                     |                      | 6,0                 |         |
| 27      | 2121120279 | Võong Minh         | Phương    | 01/02/2003 | CCQ2112H |                | <i>Minh</i>  |                     |                      | 8,0                 |         |
| 28      | 2120120623 | Phạm Vũ Minh       | Quân      | 05/05/2001 | CCQ2012R |                |              |                     |                      |                     |         |
| 29      | 2121120644 | Nguyễn Thanh       | Sang      | 24/10/2003 | CCQ2112H |                | <i>Sang</i>  |                     |                      | 5,0                 |         |
| 30      | 2121120053 | Nguyễn Châu        | Thiên     | 11/05/2003 | CCQ2112B |                | <i>Thiên</i> |                     |                      | 7,0                 |         |
| 31      | 2122120463 | Nguyễn Thị Ngọc    | Trâm      | 11/09/2003 | CCQ2212N |                | <i>Trâm</i>  |                     |                      | 7,0                 |         |
| 32      | 2122120421 | Đỗ Thanh           | Trúc      | 18/06/2003 | CCQ2212M |                | <i>Trúc</i>  |                     |                      | 7,5                 |         |
| 33      | 2121120181 | Cao Thị Kim        | Vân       | 24/10/2003 | CCQ2112F |                | <i>Kim</i>   |                     |                      | 6,0                 |         |
| 34      | 2122120475 | Nguyễn Thắm        | Viên      | 15/02/2004 | CCQ2212N |                | <i>Thắm</i>  |                     |                      | 7,0                 |         |

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**  
Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn học : [22620202] - Chuyên đề thực tế: Quản trị  
thương mại dịch vụ (CCQ2112M, CCQ2112N)

Số SV có mặt:.....

Số bài thi: .....

Số tờ giấy thi:.....

CBGD:

| STT | Mã SV      | Họ và Tên        | Ngày sinh | Mã Lớp     | H.Ph     | Số Tờ<br>Mã Đề | Chữ ký SV | Điểm QT<br>(40%) | Điểm Thi<br>(60%) | Điểm<br>Học Phần | Ghi chú |
|-----|------------|------------------|-----------|------------|----------|----------------|-----------|------------------|-------------------|------------------|---------|
| 1   | 2121120171 | Phạm Thị Yến     | Chi       | 01/10/2003 | CCQ2112E |                | Chi       |                  |                   | 8,5              |         |
| 2   | 2119170103 | Hoàng Văn        | Chương    | 02/08/2001 | CCQ1912N |                |           |                  |                   | 8,5              |         |
| 3   | 2121120355 | Phạm Thị Trọng   | Đạt       | 27/04/2003 | CCQ2112K |                |           |                  |                   | 6,5              |         |
| 4   | 2121120406 | Mai Thị Thuý     | Dương     | 20/09/2003 | CCQ2112L |                |           |                  |                   | 7,0              |         |
| 5   | 2121120400 | Nguyễn Thị Ngọc  | Hiếu      | 22/05/2003 | CCQ2112L |                |           |                  |                   | 8,0              |         |
| 6   | 2121120368 | Trần Thanh       | Hùng      | 02/01/2003 | CCQ2112K |                |           |                  |                   | 7,5              |         |
| 7   | 2120120527 | Nguyễn Thị Kim   | Kiểu      | 16/04/2002 | CCQ2012P |                |           |                  |                   | 6,5              |         |
| 8   | 2122190038 | Lâm Yến          | My        | 31/03/2004 | CCQ2212N |                |           |                  |                   | 7,0              |         |
| 9   | 2122120460 | Quách Hồng       | Nghĩa     | 21/06/2004 | CCQ2212N |                |           |                  |                   | 9,0              |         |
| 10  | 2122120268 | Phan Huỳnh       | Nhi       | 25/08/2002 | CCQ2212H |                |           |                  |                   | 6,5              |         |
| 11  | 2121120374 | Võ Thị Quý       | Nhi       | 06/05/2003 | CCQ2112K |                |           |                  |                   | 8,0              |         |
| 12  | 2121120087 | Đỗ Thu           | Sang      | 21/01/2003 | CCQ2112C |                |           |                  |                   | 8,5              |         |
| 13  | 2121120604 | Võ Như           | Tâm       | 30/09/2003 | CCQ2112R |                |           |                  |                   | 6,5              |         |
| 14  | 2121120465 | Phan Đình Lâm    | Thanh     | 16/01/2003 | CCQ2112N |                |           |                  |                   | 7,0              | Thiếu   |
| 15  | 2121120391 | Trần Thị         | Thảo      | 24/12/2003 | CCQ2112L |                |           |                  |                   | 8,0              |         |
| 16  | 2120120720 | Nguyễn Thị       | Thiên     | 07/03/2002 | CCQ2012Q |                |           |                  |                   | 6,0              |         |
| 17  | 2121120106 | Nguyễn Mỹ        | Thoa      | 12/04/2003 | CCQ2112D |                |           |                  |                   | 6,0              |         |
| 18  | 2121120102 | Trương Đình Gia  | Tiến      | 16/02/2003 | CCQ2112C |                |           |                  |                   | 6,5              |         |
| 19  | 2121120144 | Trần Đức         | Tín       | 13/02/2001 | CCQ2112E |                |           |                  |                   | 7,0              |         |
| 20  | 2121120197 | Nguyễn Thị Thanh | Trúc      | 24/09/2003 | CCQ2112F |                |           |                  |                   | 6,5              |         |
| 21  | 2121120541 | Lê Thị Hải       | Yến       | 05/10/2003 | CCQ2112P |                |           |                  |                   |                  |         |

# DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

Môn học : [22615401] - Chuyên đề thực tế (tại doanh nghiệp 1 (QT) (TTDN))

Số SV có mặt:.....

Số bài thi: .....

Số tờ giấy thi:.....

CHGD

| STT | Mã SV      | Họ và Tên        | Ngày sinh | Mã Lớp     | H.Phí    | Số Tờ Mã Đề | Chữ ký SV | Điểm QT (40%) | Điểm Thi (60%) | Điểm Học Phần | Ghi chú |
|-----|------------|------------------|-----------|------------|----------|-------------|-----------|---------------|----------------|---------------|---------|
| 1   | 2121120355 | Phạm Thị Trọng   | Dat       | 27/04/2003 | CCQ2112K |             |           |               |                | 7.0           |         |
| 2   | 2121120385 | Lê Thị           | Điệp      | 23/02/2003 | CCQ2112K |             |           |               |                | 6.5           |         |
| 3   | 2121120404 | Nguyễn Xuân      | Đồng      | 24/11/2003 | CCQ2112L |             |           |               |                | 6.0           |         |
| 4   | 2121270057 | Nguyễn Thị Hồng  | Duyên     | 22/04/2000 | CCQ2127B |             |           |               |                |               |         |
| 5   | 2121270067 | Nguyễn Vũ Trương | Giang     | 03/06/2003 | CCQ2127B |             |           |               |                |               |         |
| 6   | 2121120357 | Huỳnh Anh        | Hào       | 06/07/2003 | CCQ2112K |             |           |               |                | 7.0           |         |
| 7   | 2121120502 | Nguyễn Thị       | Hầu       | 01/05/2003 | CCQ2112O |             |           |               |                |               |         |
| 8   | 2121120382 | Phạm Trung       | Hầu       | 12/02/2003 | CCQ2112K |             |           |               |                | 7.5           |         |
| 9   | 2121120493 | Nguyễn Thị Thu   | Hồng      | 03/12/2003 | CCQ2112O |             |           |               |                | 8.5           |         |
| 10  | 2121120596 | Nguyễn Thị Kim   | Huê       | 05/05/2003 | CCQ2112P |             |           |               |                | 8.0           |         |
| 11  | 2121120554 | Nguyễn Thị Mỹ    | Hương     | 08/04/2003 | CCQ2112P |             |           |               |                | 8.5           |         |
| 12  | 2121120504 | Huỳnh Thị Thảo   | Huyền     | 03/07/2003 | CCQ2112O |             |           |               |                |               |         |
| 13  | 2122120248 | Trần Thị         | Lài       | 16/03/2004 | CCQ2212H |             |           |               |                | 7.0           |         |
| 14  | 2121120343 | Phạm Thị Bích    | Liều      | 09/07/2003 | CCQ2112J |             |           |               |                | 7.0           |         |
| 15  | 2121120525 | Nguyễn Thị Thu   | Linh      | 16/08/2003 | CCQ2112O |             |           |               |                | 6.5           |         |
| 16  | 2121120356 | Nguyễn Minh Minh | Lý        | 02/01/1993 | CCQ2112K |             |           |               |                | 7.0           |         |
| 17  | 2121120555 | Đặng Thị Thảo    | Mỹ        | 08/02/2003 | CCQ2112P |             |           |               |                |               |         |
| 18  | 2121120624 | Nguyễn Thị Thủy  | Nga       | 23/01/2003 | CCQ2112R |             |           |               |                | 7.0           |         |
| 19  | 2121120296 | Đặng Phương      | Ngân      | 03/07/2003 | CCQ2112I |             |           |               |                | 6.5           |         |
| 20  | 2121120370 | Lê Thị Thanh     | Ngân      | 01/12/2003 | CCQ2112K |             |           |               |                |               |         |
| 21  | 2121260093 | Nguyễn Thị Tuyết | Ngân      | 26/02/2003 | CCQ2126C |             |           |               |                | 6.0           |         |
| 22  | 2121120365 | Phan Thiên       | Ngọc      | 07/06/2003 | CCQ2112K |             |           |               |                | 7.0           |         |
| 23  | 2121120491 | Nguyễn Thị Thảo  | Nhi       | 05/01/2003 | CCQ2112O |             |           |               |                | 7.0           |         |
| 24  | 2121120378 | Nguyễn Thị Tuyết | Nhi       | 19/10/2003 | CCQ2112K |             |           |               |                | 7.0           |         |
| 25  | 2121120374 | Võ Thị Quý       | Nhi       | 06/05/2003 | CCQ2112K |             |           |               |                | 8.0           |         |
| 26  | 2121120557 | Trương Thị Ngọc  | Như       | 09/12/2003 | CCQ2112P |             |           |               |                | 9.0           |         |
| 27  | 2121120398 | Phan Thị Hồng    | Nhung     | 08/05/2003 | CCQ2112L |             |           |               |                | 8.0           |         |
| 28  | 2121120399 | Mạnh Vũ          | Quốc      | 03/10/2003 | CCQ2112L |             |           |               |                | 8.0           |         |
| 29  | 2121120414 | Nguyễn Văn       | Quý       | 03/08/2003 | CCQ2112L |             |           |               |                | 7.0           |         |
| 30  | 2121120503 | Trương Thị Mỹ    | Quyên     | 07/11/2003 | CCQ2112O |             |           |               |                | 8.0           |         |
| 31  | 2121120417 | Trần Ngọc        | Son       | 16/01/1996 | CCQ2112L |             |           |               |                |               |         |
| 32  | 2121270021 | Nguyễn Tài       | Thanh     | 16/10/2003 | CCQ2127A |             |           |               |                | 7.0           |         |
| 33  | 2121120106 | Nguyễn Mỹ        | Thoa      | 12/04/2003 | CCQ2112D |             |           |               |                | 7.0           |         |
| 34  | 2121120314 | Nguyễn Thị Minh  | Thư       | 03/09/2001 | CCQ2112I |             |           |               |                | 8.0           |         |
| 35  | 2121120401 | Nguyễn Thị Minh  | Thư       | 05/04/2003 | CCQ2112L |             |           |               |                | 7.0           |         |
| 36  | 2121120295 | Phan Thị Ngọc    | Thương    | 30/09/2003 | CCQ2112I |             |           |               |                | 7.0           |         |
| 37  | 2121120012 | Trần Bích        | Thủy      | 14/07/2003 | CCQ2112A |             |           |               |                | 7.0           |         |
| 38  | 2121120144 | Trần Đức         | Tín       | 13/02/2001 | CCQ2112E |             |           |               |                | 8.0           |         |
| 39  | 2121120514 | Hồ Thị Xuân      | Trà       | 02/11/2003 | CCQ2112O |             |           |               |                | 6.5           |         |
| 40  | 2121120601 | Võ Thị Thanh     | Trần      | 06/10/2003 | CCQ2112R |             |           |               |                | 8.5           |         |
| 41  | 2121120617 | Nguyễn Ái Minh   | Triệu     | 21/03/2003 | CCQ2112R |             |           |               |                | 8.0           |         |
| 42  | 2121120551 | Nguyễn Thị Tuyết | Trinh     | 15/01/2002 | CCQ2112P |             |           |               |                | 8.0           |         |
| 43  | 2121120390 | Đặng Lê Phương   | Trúc      | 17/10/2002 | CCQ2112L |             |           |               |                | 8.0           |         |
| 44  | 2121120558 | Vũ Thị           | Trúc      | 26/06/2003 | CCQ2112P |             |           |               |                | 8.0           |         |
| 45  | 2121120330 | Hồ Quốc          | Tuấn      | 30/03/2001 | CCQ2112J |             |           |               |                | 8.0           |         |
| 46  | 2121120496 | Tạ Thị Thanh     | Tuyển     | 30/12/2003 | CCQ2112O |             |           |               |                | 7.5           |         |
| 47  | 2121120648 | Nguyễn Thị       | Vi        | 27/12/1999 | CCQ2112J |             |           |               |                | 7.0           |         |
| 48  | 2121120033 | Lê Thị           | Việt      | 10/12/2003 | CCQ2112A |             |           |               |                |               |         |

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**  
Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1    Cán bộ coi thi 2    G.Viên chấm thi 1    G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22615501] - Chuyên đề thực tế tại  
doanh nghiệp 2 (QT) (TTDN)

Số SV có mặt:.....  
Số bài thi:.....  
Số tờ giấy thi:.....

CBGD:

| STT | Mã SV      | Họ và Tên        | Ngày sinh | Mã Lớp     | H.Phí    | Số Tờ<br>Mã Đề | Chữ ký SV      | Điểm QT<br>(40%) | Điểm Thi<br>(60%) | Điểm<br>Học Phần | Ghi chú |
|-----|------------|------------------|-----------|------------|----------|----------------|----------------|------------------|-------------------|------------------|---------|
| 1   | 2121270034 | Cao Tiến         | Dự        | 20/11/2002 | CCQ2127A |                |                |                  |                   |                  |         |
| 2   | 2121270067 | Nguyễn Vũ Trường | Giang     | 03/06/2003 | CCQ2127B |                |                |                  |                   |                  |         |
| 3   | 2121172007 | Phan Công        | Hiển      | 26/01/2003 | CCQ2112K |                |                |                  |                   | 8,0              |         |
| 4   | 2121120596 | Nguyễn Thị Kim   | Huệ       | 05/05/2003 | CCQ2112P |                | <i>Thị Kim</i> |                  |                   | 7,5              |         |
| 5   | 2121120368 | Trần Thanh       | Hùng      | 02/01/2003 | CCQ2112K |                | <i>hùng</i>    |                  |                   | 6,5              |         |
| 6   | 2121120055 | Đàm Thị Như      | Huỳnh     | 13/07/2003 | CCQ2112B |                | <i>linh</i>    |                  |                   | 6,5              |         |
| 7   | 2121120060 | Trương Thị Khánh | Linh      | 27/12/2003 | CCQ2112B |                | <i>Như</i>     |                  |                   | 5,0              |         |
| 8   | 2121120296 | Đặng Phương      | Ngân      | 03/07/2003 | CCQ2112I |                |                |                  |                   |                  |         |
| 9   | 2121050046 | Nguyễn Minh      | Quốc      | 06/04/2001 | CCQ2112R |                |                |                  |                   | 6,0              |         |
| 10  | 2121120417 | Trần Ngọc        | Son       | 16/01/1996 | CCQ2112L |                | <i>Son</i>     |                  |                   | 7,0              |         |
| 11  | 2121120106 | Nguyễn Mỹ        | Thoa      | 12/04/2003 | CCQ2112D |                | <i>Thoa</i>    |                  |                   | 6,0              |         |
| 12  | 2121120084 | Nguyễn Thị Mỹ    | Thoa      | 16/06/2003 | CCQ2112C |                | <i>Thoa</i>    |                  |                   |                  |         |
| 13  | 2121270006 | Đỗ Thị Ngọc      | Thúy      | 10/05/2003 | CCQ2127A |                |                |                  |                   |                  |         |
| 14  | 2121120338 | Ngô Thị Thủy     | Trang     | 17/01/2003 | CCQ2112J |                | <i>Ty</i>      |                  |                   | 6,0              |         |
| 15  | 2121270043 | Trần Thị Huyền   | Trang     | 13/05/2002 | CCQ2127B |                |                |                  |                   |                  |         |